Phụ lục 02: Kế hoạch thu hồi đất năm 2020 của huyện M'Drắk

(Kèm theo Quyết định số 521 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Hạng mục	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị trong địa giới hành chính								
				Thị trấn M'Drắk	Xã Ea Pil	Xã Ea H'Mlay	Xã Krông Jing	Xã Ea Riêng	Xã Cư M'ta	Xã Krông Á	Xã Cư San	Xã Ea Trang
	Tổng cộng		**691.25**	**9.80**	**0.88**	**0.60**	**1.14**	**4.20**	**1.40**	**312.09**	**360.84**	**0.30**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**550.64**	**9.80**	**0.85**	**0.60**	**1.12**	**4.20**	**1.40**	**262.41**	**269.96**	**0.30**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	55.78	9.50		0.10		1.30		12.00	32.88	
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	55.78	9.50		0.10		1.30		12.00	32.88	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	160.96	0.30	0.30		0.43		0.40	76.59	82.64	0.30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	67.90		0.25	0.50	0.26	2.80	0.10	46.32	17.67	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.00							0.50	1.50	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	259.30		0.30		0.43		0.90	124.50	133.17	
1.5	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	4.70					0.10		2.50	2.10	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**116.99**		**0.03**		**0.02**			**42.00**	**74.94**	
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	32.90							12.00	20.90	
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*29.83*							12.00	17.83	
-	*Đất cơ sở giáo dục - đào tạo*	*DGD*	*1.97*								1.97	
-	*Đất cơ sở thể dục - thể thao*	*DTT*	*1.10*								1.10	
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	5.83		0.03		0.02			1.00	4.78	
2.3	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	78.26							29.00	49.26	
3	**Đất chưa sử dụng**		**23.62**							**7.68**	**15.94**	